

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày 21/8/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hiến, bà Vũ Thị Mai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông Hoàng Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 26/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST - DS ngày 28/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-DS ngày 16/8/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố Trần Hưng Đ, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- **Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Hà Văn V – Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1967.

3. Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1999.

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Trần Hưng Đ, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Đều đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Đỗ Thị N trình bày:

Chị N có quen biết với bà Đoàn Thị T – sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ dân phố Trần Hưng Đ, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 03/7/2019, **bà T** có đặt vấn đề với chị N hỏi vay chị N số tiền là 679.000.000 (Sáu trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn), khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất, hạn 03 tháng sau sẽ trả. Chị N đã đưa tiền cho **bà T** đủ tiền và **bà T** có ký vào giấy vay tiền.

Khi cho **bà T** vay, Chị N có nhận từ bà T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đoàn Thị T trang 04 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại N. Tại thời điểm vay tiền chỉ có chị N và **bà T** ký kết.

Nay chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc bà Đoàn Thị T phải trả cho anh V số tiền 679.000.0000 đồng như trong giấy vay tiền ghi ngày 03/7/2019 và lãi phát sinh là 20%/năm từ ngày 04/10/2019 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Từ thời điểm hết hạn trả nợ đến nay, bà T chưa thanh toán cho chị N một đồng tiền nợ gốc và tiền lãi nào, do vậy chị đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả cho chị khoản tiền số tiền 679.000.0000 đồng như trong giấy vay tiền ghi ngày 03/7/2019 và lãi phát sinh là 20%/năm từ ngày 04/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N đề nghị Tòa án giải quyết tính lãi theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà T có quen biết với chị Đỗ Thị N – sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 03/7/2019, bà T có đặt vấn đề vay chị N số tiền 679.000.000 (Sáu trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn), khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất, hạn 03 tháng sau sẽ trả. Bà T đã nhận đủ tiền của chị N. Bà T xác định đây là khoản nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng là ông **Nguyễn Văn L** và các thành viên khác trong gia đình.

Khi vay tiền, bà T có đưa cho chị N 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đoàn Thị T trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại N. Tại thời điểm vay tiền chỉ có bà T và chị N ký kết.

Đến thời hạn trả nợ, bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị N được lý do vì bà T vỡ nợ. Bà T có thỏa thuận với chị N là để chị N mua lại nhà của bà T tại tổ dân phố Trần Hưng Đạo, thị trấn Chũ để trừ vào khoản nợ trên, còn thừa chị N phải trả lại bà T nhưng chị N không đồng ý.

Nay chị N khởi kiện bà **T** phải trả số tiền 679.000.0000 đồng như trong giấy vay tiền ghi ngày 03/7/2019. Bà **T** nhất trí trả nợ gốc nhưng không nhất trí trả lãi vì bà cho rằng khi viết giấy vay nợ với chị N ngày 03/7/2019 là gộp nhiều khoản vay trước đó cộng với lãi suất phát sinh là 4000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày.

Bà Đoàn Thị **T** cũng đã trình bày về số tiền 679.000.000 đồng bà vay chị Đỗ Thị N bà vay với mục đích cho riêng bản thân không nhằm mục đích kinh doanh, buôn bán để phát triển kinh tế gia đình. Việc vay tiền của bà và chị N không liên quan đến chồng bà là Nguyễn Văn L và con bà là Nguyễn Huy Hoàng và chị Nguyễn Thị N nên bà đề nghị không đưa những người này tham gia tố tụng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hà Văn V trình bày:

Anh **V** và vợ anh (Đỗ Thị N) có quen biết với bà Đoàn Thị **T** – sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ dân phố Trần Hưng Đ, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 03/7/2019, bà **T** có đặt vấn đề với vợ chồng anh **V** hỏi vay vợ chồng anh số 679.000.000 (Sáu trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn), khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất, hạn 03 tháng sau sẽ trả. Vợ anh **V** đã đưa tiền cho bà **T** đủ tiền và bà **T** có ký vào giấy vay tiền.

Khi cho bà **T** vay, vợ anh **V** có nhận từ bà **T** 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đoàn Thị **T** trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại N. Tại thời điểm vay tiền chỉ có vợ anh **V** và bà **T** ký kết.

Đến thời hạn trả nợ, bà **T** đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh **V**, vợ chồng anh **V** đã yêu cầu bà **T** trả nợ nhiều lần nhưng bà **T** vẫn không trả tiền cho vợ anh.

Nay vợ chồng anh **V** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc bà Đoàn Thị **T** phải trả cho vợ chồng anh số tiền 679.000.0000 đồng như trong giấy vay tiền ghi ngày 03/7/2019 và lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông và bà Đoàn Thị **T** là vợ chồng, chung sống cùng nhà. Tuy nhiên số tiền mà vợ ông vay bà Đỗ Thị N ông hoàn toàn không biết bà **T** vay vào thời điểm nào, vay số tiền bao nhiêu và nhằm mục đích gì. Ông được biết vợ ông là bà Đoàn Thị **T** có vay số tiền 679.000.0000 đồng của chị Đỗ Thị N ông không có ý kiến gì về việc trả khoản nợ mà vợ ông đã vay. Do lý do khách quan nên ông xin vắng mặt ở tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên xét xử.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Huy H và chị Nguyễn Thị N đều trình bày:

Anh Hoàng là con trai, **chị N** (vợ anh Hoàng) là con dâu bà **T**, ông **L** cả hai anh chị đều cho rằng việc bà **T** vay tiền chị Đỗ Thị N cả hai anh chị đều không biết bà vay vào thời điểm nào, vay bao nhiêu tiền và vay nhằm mục đích gì. Nay chị Đỗ Thị N khởi kiện bà **T** anh chị đều đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên toà ngày 21/8/2021: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, **bà T** khai khi vay tiền của chị N với lãi suất 4000đ/1000.000đ/1 ngày có người chứng kiến nhưng **bà T** không khai được tên, tuổi, năm sinh địa chỉ cụ thể của người chứng kiến, không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ khác chứng minh chị N cho **bà T** vay lãi nặng và cũng không đề nghị triệu tập người làm chứng đến Tòa án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời khai của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử; Xử:

- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đoàn Thị **T** phải trả cho chị Đỗ Thị N số tiền nợ như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Theo đó, tiền lãi trên nợ gốc được tính như sau:

Nợ gốc: 679.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 04/10/2019 đến ngày 21/8/2021 là: $(679.000.000 \times 0.83\% \times 22 \text{ tháng}) + (679.000.000 \times 0.83\% \times 17 \text{ ngày}) = 127.178.963 \text{ đồng}$.

- + Về án phí: Bà Đoàn Thị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa chị Đỗ Thị N và bà Đoàn Thị **T** là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn. Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy, Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L; anh Nguyễn Huy H, chị Nguyễn Thị N vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với ông L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, pháp luật áp dụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện đòi tiền”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và không đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch vay tài sản giữa các bên được xác lập vào ngày 03/7/2019 tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 03/7/2019 mà nguyên đơn cung cấp thì thấy: Có nội dung thể hiện việc bà T vay chị N số tiền 679.000.000 đồng; Không thỏa thuận lãi suất; Thời hạn thanh toán toàn bộ nợ gốc là trước ngày 03/10/2019. Tại giấy vay tiền có chữ ký “Đoàn Thị T” tại phần “Bên nhận tiền” và có chữ ký “Đỗ Thị N” tại phần “Bên giao tiền” và căn cứ theo lời khai của hai bên cũng cho thấy cả hai bên đã công nhận có sự giao kết nội dung vay tiền trên dựa trên sự tự nguyện, mục đích và nội dung giao kết không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, chủ thể, hình thức và nội dung thỏa thuận tại Giấy nhận tiền này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Giao dịch vay tiền giữa các bên là vay có kỳ hạn. Bên vay phải thanh toán cho bên cho vay số tiền vay theo đúng hạn đã thỏa thuận. Theo giấy vay tiền ngày 03/7/2019, thì ngày 03/10/2019 là ngày cuối cùng bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc theo thỏa thuận nhưng đến nay bà T vẫn chưa thanh toán được toàn bộ số nợ đã vay. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 679.000.000 đồng mà bà T vay thì ông L, bà T, anh Hoàng, chị Nga đều xác nhận là đây là khoản vay riêng của bà T. Do đó, chỉ bà T mới có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc là 679.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi:

Tại giấy vay tiền đề ngày 05/10/2016, các bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi phát sinh là 20%/năm từ ngày 04/10/2019 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Bà T không chấp nhận việc phải trả lãi phát sinh vì bà T cho rằng khi viết giấy vay nợ với chị N

ngày 03/7/2019 là gộp nhiều khoản vay trước đó cộng với lãi suất phát sinh là 4000 đồng / 1.000.000 đồng / 01 ngày. Tuy nhiên bà T lại không cung cấp tài liệu nào chứng minh những điều bà T nói là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ tuy nhiên về mức lãi suất cần xác định lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất trong vụ án được xác định lại như sau: Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Theo đó, tiền lãi trên nợ gốc được tính như sau:

Tiền lãi từ ngày 04/10/2019 đến ngày 21/8/2021 là: $(679.000.000 \times 0.83\% \times 22 \text{ tháng}) + (679.000.000 \times 0.83\% \times 17 \text{ ngày}) = 127.178.963 \text{ đồng}$.

[4] Vấn đề khác có liên quan: Đối với nội dung giao và nhận 02 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đoàn Thị T trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại N để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tại Giấy nhận tiền đề ngày 03/7/2019 thì đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 105; Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N. Buộc bà Đoàn Thị T có nghĩa vụ trả chị Đỗ Thị N tổng số tiền là 806.178.963 đồng (Tám trăm linh sáu triệu một trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) theo thoả thuận tại Giấy nhận tiền đề ngày 03/7/2019; Trong đó:

- Số tiền nợ gốc là 679.000.000 đồng.
- Số tiền lãi trên nợ gốc là: 127.178.963 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Buộc Bà Đoàn Thị T phải chịu 36.185.369 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại bà Đoàn Thị N số tiền tạm ứng án phí 20.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai số AA/2019/0001901 ngày 25/3/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHA dân sự huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Văn Khiết

